

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 8 - 2022

V/v Không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Mạnh Hùng

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Giàng A Ly, Bà Bùi Minh Nguyệt.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: ông Lý A Hờ - cán bộ Toà án nhân dân huyện M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M: ông Đoàn Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/ 8/2022 về việc: *Ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Vàng Vàng T, sinh năm 1973; trú tại: bản S, xã M, huyện M, tỉnh Yên Bái - có mặt.

2. *Bị đơn:* bà Giàng Thị C, sinh năm 1970; trú tại: bản S, xã M, huyện M, tỉnh Yên Bái - có mặt.

* *Người phiên dịch tiếng Mông:* ông Thào A D, trú tại: tổ 5, thị trấn M, huyện M, tỉnh Yên Bái - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 8 năm 2022 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Vàng Vàng T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: ông T chung sống như vợ chồng với bà Giàng Thị C từ năm 1989, đến nay chưa có đăng ký kết hôn, khi về chung sống chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Trong quá trình chung sống, do tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung, thường hay đánh, chửi nhau, đến tháng 01/2021 ông T và bà C đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra hai bên gia đình khuyên ngăn hòa giải nhưng tình cảm vẫn không cải thiện được. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn và

không thể tiếp tục chung sống với bà C nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết để được ly hôn với bà Giàng Thị C.

- Về con chung: Các con đều đã trên 18 tuổi và đã lập gia đình nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 8 năm 2022 bị đơn bà Giàng Thị C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà C thừa nhận có mối quan hệ hôn nhân như ông T trình bày là chung sống như vợ chồng từ năm 1989, nhưng đến nay vẫn chưa đi đăng ký kết hôn. Nay ông T làm đơn ly hôn bà nhưng bà không nhất trí ly hôn vì vẫn còn tình cảm với ông T.

- Về con chung: Các con đều đã trên 18 tuổi và đã lập gia đình nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án đảm bảo đúng quy định; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong việc tham gia tố tụng;

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận ông Vàng Vảng T và bà Giàng Thị C là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Cả nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại huyện M, tỉnh Yên Bái và quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn. Do đó căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: cả ông Vàng Vảng T và bà Giàng Thị C đều thừa nhận chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nay đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy: ông T và bà C có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ngoài ra việc không đăng ký kết hôn đã được hai bên thừa nhận vì vậy quan hệ hôn nhân của ông T, bà C là không hợp pháp và là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1

Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Vàng Vàng T và bà Giàng Thị C.

[3] Về con chung, tài sản chung: cả nguyên đơn và bị đơn không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thấy có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là đồng bào dân tộc thiểu số, sống trong vùng đặc biệt khó khăn, Tòa án căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật cho đương sự.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
 - Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
 - Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Vàng Vàng T và bà Giàng Thị C là vợ chồng.
 2. Về án phí: ông Vàng Vàng T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.
 3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện MCC;
- Chi cục THADS huyện MCC;
- Các đương sự;
- Lưu: HS (2); TA; tiểu HS.

Nguyễn Mạnh Hùng